TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/DS-ST
Ngày: 04-10-2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lý Tuấn Hải;
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04/10/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Người theo pháp luật là ông Hồ Nam T1 - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Trụ sở chính: LPB Tower, số 210, đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Tiến Nam là ông Trần Hữu T2 - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Trần Hữu T2 là ông Nguyễn Hùng Tr, sinh năm 1989, Chức vụ: Chuyên viên - Phòng hộ trợ hoạt động tại Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H (có mặt).

Địa chỉ: Số 32, đường Ng, phường 1, thành phố V, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn M, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B và người đại diện theo ủy quyền lại ông Nguyễn Hùng Tr trình bày: Vào ngày

18/4/2022 ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ có đến Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H vay số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD 800202200858 ngày 18/4/2022; Mục đích vay: Trồng khóm và nuôi heo; thời hạn vay là 11 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 15%/năm. Phương thức áp dụng lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức định kỳ thay đổi 3 tháng/lần. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi. Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả cuối kỳ vào ngày 18/3/2023. Kỳ hạn trả lãi: Trả định kỳ 03 tháng/lần ngày 18/7/2022, ngày 18/10/2022, ngày 18/01/2023 và ngày 18/3/2023. Khoản vay trên đã quá hạn kể từ ngày 18/3/2023. Từ khi vay đến nay ông M, bà Đ đã trả được số tiền gốc cho Ngân hàng là 34.611.758 đồng và lãi là 7.488.330 đồng vào ngày 16/7/2023 thì ngưng đến nay. Hiện nay hồ sơ vay đã quá hạn từ ngày 18/3/2023 nên Ngân hàng có yêu cầu ông M, bà Đ trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông M, bà Đ không thực hiện để kéo dài đến nay

Nay, Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán số tiền vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 04/10/2023 là 18.483.038 đồng (trong đó: Nợ gốc 15.388.242đ và lãi quá hạn gốc 3.094.796đ) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD 800202200858 ngày 18/4/2022. Trường hợp ông M, bà Đ không không thanh toán được toàn bộ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của ông M, bà Đ để thanh toán hết toàn bộ nợ của ông M, bà Đ tại Ngân hàng TMCP B.

Đối với bị đơn ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến nay ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ có mặt ở địa phương và được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ vẫn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông M, bà Đ trong vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tính đến ngày 04/10/2023 là 18.483.038 đồng (trong đó: Nợ gốc 15.388.242đ và lãi quá hạn gốc 3.094.796đ) và lãi phát sinh cho

đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ được tống đạt hợp lệ vắng mắt mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 04/10/2023 thì ông M và bà Đ còn nợ tiền lãi là 3.094.796 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 04/10/2023 là 18.483.038 đồng (trong đó: Nợ gốc là 15.388.242đ và lãi quá hạn gốc là 3.094.796đ).

[3] Xét về hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD 800202200858 ngày 18/4/2022 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 14/4/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ không thực hiện đúng cam kết nên hợp đồng vay cho đến nay bên vay là ông M và bà Đ đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Do hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD 800202200858 ngày 18/4/2022 là hợp đồng tín chấp nhưng ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ không thanh toán được nghĩa vụ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của

ông M và bà Đ để thanh toán hết toàn bộ nợ của ông M và bà Đ tại Ngân hàng TMCP B. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần phần B yêu cầu xử lý tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của ông M và bà Đ để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần phần B yêu cầu ông M và bà Đ tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, khi ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ thực hiện giao dịch với Ngân hàng ông, bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông, bà cư trú, hiện nay ông M và bà Đ vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng ông M, bà Đ không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông, bà. Từ đó, cho thấy ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ theo qui định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đối với bị đơn nên lời đề nghị này của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ và đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với bị đơn ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ. Do đó, buộc ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 18.483.038đ (mười tám triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn không trăm ba mươi tám đồng).

[8] Về án phí DSST có giá ngạch: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng TMCP B đã nộp 877.000đ (tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000559 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 18.483.038đ x 5%) = 924.151,9 đồng làm tròn là 924.000đ (chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền là 18.483.038 đồng (mười tám triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn không trăm ba mươi tám đồng) (trong đó: Nợ gốc 15.388.242đ và lãi quá hạn gốc 3.094.796đ)).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD 800202200858 ngày 18/4/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD 800202200858 ngày 18/4/2022, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ B thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản hợp pháp của ông M và bà Đ để đảm bảo việc thu hồi nợ.

2. Án phí DSST: Là 924.000đ (chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng), buộc ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ phải nộp.

Ngân hàng TMCP B đã nộp là 877.000đ (tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000559 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 04/10/2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh